CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2022/NĐ-CP	----------
	Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI; TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ KHOÁNG SẢN; KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN; ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 như sau:

"c) Sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đã hết thời hạn sử dụng mà không được Nhà nước gia hạn sử dụng đất và đã có quyết định thu hồi đất được công bố, tổ chức thực hiện nhưng người sử dụng đất không chấp hành (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp sử dụng đất nông nghiệp);".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3, 4 và bổ sung khoản 10 Điều 7 như sau:

"1. Trường hợp sử dụng đất sang mục đích khác mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này thì số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được xác định bằng giá trị chênh lệch của loại đất trước và sau khi vi phạm tính trên diện tích đất đã chuyển mục đích sử dụng đất trong thời gian vi phạm (kể từ thời điểm bắt đầu chuyển mục đích sử dụng đất đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính). Giá đất của loại đất trước và sau khi vi phạm được xác định bằng giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (đối với giá của loại đất trước khi vi phạm) và tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (đối với giá của loại đất sau khi chuyển mục đích). Số lợi bất hợp pháp có được do chuyển mục đích sử dụng đất được tính bằng công thức sau:

$$\text{Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm} = \frac{\text{Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất (G2)} - \text{Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất (G1)}}{\text{Tổng thời gian sử dụng đất theo quy định của bảng giá đất đối với loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất thuộc chế độ sử dụng có thời hạn; trường hợp thời hạn sử dụng đất lâu dài thì thời gian được tính là 70 năm}} \times \text{Số năm vi phạm}$$

$$G(1,2) = \text{Diện tích đất vi phạm} \times \text{Giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định}$$

Loại đất trước khi vi phạm được xác định theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; loại đất sau khi vi phạm được xác định theo hiện trạng tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm quy định tại Điều 14 Nghị định này thì số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được xác định bằng giá trị của phần diện tích đất lấn, chiếm trong thời gian vi phạm (kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất lấn, chiếm đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính), tính theo giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đối với loại đất đang sử dụng sau khi lấn, chiếm tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, được tính bằng công thức sau:

$$\text{Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm} = \frac{\text{Diện tích đất vi phạm} \times \text{Giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định}}{\text{Tổng thời gian sử dụng đất theo quy định của bảng giá đất đối với loại đất đang sử dụng thuộc chế độ sử dụng đất có thời hạn; trường hợp thời hạn sử dụng đất lâu dài thì thời gian được tính là 70 năm}} \times \text{Số năm vi phạm}$$

3. Trường hợp chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất không đủ điều kiện trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 22, Điều 25, khoản 3 Điều 27 Nghị định này được xác định bằng giá trị chuyển quyền sử dụng đất thực tế theo hợp đồng đã ký, tính trong thời gian đã chuyển quyền, nhưng không thấp hơn giá trị tính theo giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính và được tính bằng công thức sau:

$$\text{Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm} = \frac{\text{Diện tích đất vi phạm} \times \text{Giá đất}}{\text{Tổng thời gian sử dụng đất theo quy định của bảng giá đất đối với loại đất chuyển quyền thuộc chế độ sử dụng đất có thời hạn; trường hợp thời hạn sử dụng đất lâu dài thì thời gian được tính là 70 năm}} \times \text{Số năm vi phạm}$$

4. Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất không đủ điều kiện trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 2 và 4 Điều 19, Điều 20, khoản 2 Điều 27 Nghị định này được xác định bằng giá trị cho thuê, cho thuê lại đất thực tế theo hợp đồng đã ký, tính trong thời gian đã cho thuê, cho thuê lại đất, nhưng không thấp hơn giá trị tiền thuê đất tính theo đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định của pháp luật tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính nhân (x) với diện tích đất cho thuê, cho thuê lại (x) với số năm đã cho thuê, cho thuê lại (trong đó giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).

10. Việc nộp số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đã xảy ra trước ngày Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trước đây (trước Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp. Thời gian xác định số lợi bất hợp pháp phải nộp chỉ tính từ khi Nghị định có quy định hành vi vi phạm phải nộp số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành hoặc tính từ ngày xảy ra vi phạm nếu vi phạm xảy ra sau ngày Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đầu tiên có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp đã có hiệu lực. Việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 9; điểm b khoản 4 Điều 10; điểm b khoản 4 Điều 11; điểm b khoản 5 Điều 12 và điểm b khoản 7 Điều 14 như sau:

"b) Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất và các trường hợp người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;".

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1, khoản 2 Điều 13 như sau:

"1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa khi chưa có ý kiến đồng ý cho chuyển đổi của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì hình thức và mức xử phạt như sau:

2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì hình thức và mức xử phạt như sau:".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 1, khoản 2 như sau:

"1. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê không đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) hoặc đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) nhưng chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 194 Luật Đất đai thì hình thức và mức xử phạt như sau:

2. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê không đủ từ hai điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP) trở lên thì hình thức và mức xử phạt như sau:".

b) Sửa đổi điểm b, c khoản 4 như sau:

"4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

b) Buộc chủ đầu tư phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được phê duyệt; hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai đối với trường hợp không đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung thành điểm a và điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP);

c) Buộc chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trong việc hoàn thành xây dựng nhà theo đúng thiết kế được phê duyệt đối với trường hợp không đủ điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung thành điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP);".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

"2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư mà người nhận chuyển nhượng không có ngành nghề kinh doanh phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu của dự án đầu tư hoặc không thực hiện ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không có đủ năng lực tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hoặc vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Tổ chức vi phạm về điều kiện được hoạt động tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì hình thức và mức xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp hoạt động tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng không có chức năng tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc không có đủ 02 cá nhân hành nghề tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP);

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp hoạt động tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng không có chức năng tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và không có đủ 02 cá nhân hành nghề tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP).".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động từ 06 tháng đến 09 tháng đối với tổ chức có giấy phép hoạt động kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực;

b) Đình chỉ hoạt động từ 09 tháng đến 12 tháng đối với tổ chức không có giấy phép hoạt động kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực.".

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 38 như sau:

"b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 40 như sau:

"1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai được lập theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.".

10. Bổ sung khoản 4 Điều 43 như sau:

"4. Bãi bỏ điểm c khoản 2, điểm k khoản 3, khoản 5 Điều 4; khoản 4 Điều 38 và khoản 6 Điều 39 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 2 như sau:

"b) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh

của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;".

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành;

b) Đình chỉ hoạt động lập, thực hiện đề án, dự án về tài nguyên nước; đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất, thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành;

c) Tịch thu tang vật (bao gồm mẫu vật là khoáng sản và các loại tang vật khác), phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu gồm các biện pháp: buộc xử lý, khắc phục sự cố sụt, lún, sạt lở đất hoặc sự cố bất thường khác; buộc thực hiện các giải pháp phục hồi đất đai, môi trường;

b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép gồm các biện pháp: buộc san lấp, phá dỡ công trình vi phạm; buộc dỡ bỏ, di dời các vật gây cản trở dòng chảy; buộc di chuyển máy móc, thiết bị, tài sản ra khỏi khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản;

c) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; trám lấp giếng không sử dụng; thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến sức khỏe con người; các giải pháp phục hồi môi trường khu vực khai thác;

d) Buộc thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; các biện pháp vận hành hồ chứa để đưa mực nước hồ về mực nước trước lũ; các biện pháp vận hành, cắt giảm lũ cho hạ du; các biện pháp vận hành bảo đảm lưu lượng nước sau công trình trong mùa cạn hàng năm; các biện pháp vận hành đảm bảo mực nước tối thiểu của hồ chứa trong mùa cạn; các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu nước ở hạ du hồ chứa;

đ) Buộc khắc phục các thiệt hại đối với các hành vi vi phạm gây ra lũ, lụt, hạn hán ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ở hạ du hồ chứa;

e) Buộc san lấp công trình thăm dò; thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, phục hồi môi trường và giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản;

g) Buộc san lấp các công trình thăm dò, phục hồi môi trường trong diện tích khu vực đã thăm dò vượt ra ngoài diện tích được phép thăm dò; phục hồi môi trường khu vực đã thăm dò; buộc san lấp, cải tạo, phục hồi môi trường;

h) Buộc thực hiện các giải pháp đưa các khu vực đã khai thác vượt ra ngoài phạm vi được phép khai thác về trạng thái an toàn; phục hồi đất đai theo đề án đóng cửa mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

i) Buộc khai thác đúng phương pháp khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; đúng hệ thống khai thông, chuẩn bị (đối với khai thác hầm lò), hệ thống mở vỉa (đối với khai thác lộ thiên); đúng trình tự khai thác; đúng hệ thống khai thác; đúng các thông số của hệ thống khai thác, gồm: chiều cao tầng, góc dốc sườn tầng; đổ thải đúng vị trí đã xác định trong Thiết kế mỏ/Báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt; đúng khung thời gian khai thác hoặc đúng số lượng, chủng loại thiết bị khai thác trong giấy phép hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép (đối với cát, sỏi lòng sông, suối, hồ);

k) Buộc thực hiện các biện pháp cải tạo các công trình bảo vệ môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, hư hỏng hạ tầng kỹ thuật do hành vi khai thác vượt công suất gây ra;

l) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hư hỏng hạ tầng kỹ thuật; thực hiện việc nâng cấp, duy tu, xây dựng đường giao thông;

m) Buộc giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản;

o) Buộc cải chính thông tin, dữ liệu sai lệch do thực hiện hành vi vi phạm;

p) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ khoản tiền sử dụng thông tin về khoáng sản theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nộp bổ sung phần tiền do chậm nộp;

q) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước đối với trường hợp khai thác nước cho sản xuất thủy điện và sản xuất, kinh doanh nước sạch là toàn bộ số tiền mà tổ chức, cá nhân thu được khi thực hiện hành vi vi phạm trừ (-) chi phí trực tiếp để khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác nước cho các mục đích sản xuất phi nông nghiệp khác với sản xuất thủy điện và sản xuất, kinh doanh nước sạch thì số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm bằng (=) tổng lượng nước khai thác nhân (x) giá bán nước sạch cho sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh trừ (-) chi phí trực tiếp để khai thác sử dụng tài nguyên nước.

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với lĩnh vực khoáng sản là toàn bộ số tiền tương ứng với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác nhân (x) với giá của một đơn vị khối lượng khoáng sản (tấn, m3, kg,...) trừ (-) đi chi phí trực tiếp để có được khối lượng khoáng sản đó.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định do thực hiện hành vi vi phạm vào ngân sách nhà nước thì các khoản chi phí trên được trừ đi khi tính số lợi bất hợp pháp.

Trường hợp khoáng sản đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật thì buộc nộp lại số tiền bằng trị giá toàn bộ tang vật là khoáng sản đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy. Số tiền buộc nộp lại bằng tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy nhân (x) với giá của một đơn vị khối lượng khoáng sản (tấn, m3, kg,...). Giá của một đơn vị khối lượng khoáng sản để tính số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với lĩnh vực khoáng sản và tính số tiền bằng trị giá toàn bộ tang vật là khoáng sản đã tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy căn cứ theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

r) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định và đo đạc trong trường hợp có hành vi vi phạm;

s) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, thực hiện đầy đủ các giải pháp đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn.

t) Buộc nộp lại giấy phép đã bị sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.".

d) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

"4. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép đã bị sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép đã bị sửa chữa làm sai lệch nội dung cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền cấp phép, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi Thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép bị sửa chữa làm sai lệch nội dung đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp phép (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp).".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 3 Điều 5 và bổ sung Điều 5a, 5b vào sau Điều 5 như sau:

"1. Mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân. Mức phạt đối với hộ kinh doanh; chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện hành vi vi phạm hành chính không thuộc phạm vi, thời hạn được doanh nghiệp ủy quyền áp dụng như đối với mức phạt của cá nhân.

Mức phạt tiền đối với tổ chức (kể cả chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền của doanh nghiệp) gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Đối với trường hợp khai thác khoáng sản không có giấy phép thuộc hành lang bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng thì ngoài áp dụng mức phạt theo quy định tại Nghị định này thì còn xem xét áp dụng xử phạt theo pháp luật chuyên ngành.

Điều 5a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đã kết thúc, các hành vi vi phạm đang thực hiện trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước là 02 năm.

2. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm:

Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là thời điểm tổ chức, cá nhân kết thúc thời hạn báo cáo, thông báo, kê khai, nộp hồ sơ hoặc công khai, lấy ý kiến theo quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 6 về vi phạm các quy định về điều kiện năng lực thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước;

b) Hành vi không báo cáo kết quả quan trắc, giám sát cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 8;

c) Hành vi không cung cấp đầy đủ và trung thực các dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước tại khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 10;

d) Hành vi không thực hiện báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10;

đ) Hành vi báo cáo không trung thực, không đầy đủ, không đúng chế độ báo cáo về hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10;

e) Hành vi không thực hiện báo cáo tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất định kỳ hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11;

g) Hành vi không thực hiện chế độ thông báo, báo cáo liên quan đến vận hành công trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13;

h) Hành vi không thông báo, báo cáo kết quả trám lấp giếng không sử dụng đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22;

i) Không báo cáo kịp thời tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra sự cố bất thường về chất lượng nước, mực nước trong giếng khai thác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22;

k) Hành vi không thông báo thời gian, địa điểm thực hiện thi công trám lấp giếng đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22;

l) Hành vi không thực hiện việc công khai thông tin liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 29;

m) Hành vi không lấy ý kiến cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 29;

n) Hành vi không nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 29;

o) Hành vi không nộp hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong trường hợp phải điều chỉnh theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 29.

3. Đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về tài nguyên nước, thời điểm kết thúc hành vi vi phạm là thời điểm mà tổ chức, cá nhân kết thúc nghĩa vụ phải thực hiện quy định.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này nhưng đã được thực hiện xong trước thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm thì cũng được xác định là hành vi vi phạm đã kết thúc.

5. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện.".

Điều 5b. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đã kết thúc, các hành vi vi phạm đang thực hiện trong lĩnh vực khoáng sản

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm, các hành vi vi phạm đang được thực hiện trong lĩnh vực khoáng sản được quy định như sau:

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là 02 năm.

2. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:

a) Hành vi không thông báo về kế hoạch thăm dò quy định tại khoản 1 Điều 31; không thông báo hoặc không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ hoặc ngày bắt đầu khai thác, hành vi liên quan đến thăm dò nâng cấp trữ lượng, tài nguyên quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 36 Nghị định này; hành vi không thông báo kế hoạch quy định khoản 5 Điều 36 Nghị định này; hành vi không gửi báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác nếu tạm ngừng khai thác từ 01 năm trở lên; hành vi không đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định này; thời điểm chấm dứt hành vi là thời điểm bắt đầu thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò, thăm dò nâng cấp, xây dựng cơ bản, khai thác hoặc tiếp tục khai thác trở lại;

b) Hành vi báo cáo sai quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này; thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm báo cáo;

c) Hành vi về khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất quy định tại Điều 30 Nghị định này; hành vi thi công đề án thăm dò khoáng sản mà không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định này; các hành vi vi phạm về không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của đề án thăm dò, giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản; hành vi thăm dò, khai thác khoáng sản khi giấy phép hết hạn hoặc không có giấy phép; hành vi thi công thăm dò trước khi được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; hành vi lợi dụng hoạt động thăm dò để khai thác khoáng sản; hành vi vi phạm quy định về Thiết kế mỏ tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này; hành vi vi phạm quy định về Giám đốc điều hành mỏ tại điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định này; các hành vi vi phạm quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định này; hành vi vi phạm quy định về đóng cửa mỏ khoáng sản tại khoản 5 Điều 49 Nghị định này; hành vi thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ; hành vi vi phạm quy định sử dụng thông tin về khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định này; hành vi khai thác, sử dụng khoáng sản quy định tại điểm b khoản 3 Điều 52 Nghị định này; hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm a và d khoản 3 Điều 53 Nghị định này; hành vi quy định tại Điều 54a Nghị định này; hành vi khai thác khoáng sản gây tổn thất khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này; thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm đã thực hiện xong hành vi vi phạm quy định tại điểm này;

d) Các hành vi vi phạm về cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò, khai thác khoáng sản; vi phạm về nghĩa vụ khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực; vi phạm về thăm dò khoáng sản độc hại; hành vi không nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; nội dung báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản không đầy đủ thông tin theo mẫu quy định; nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà không đúng quy định về mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; không lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng, nâng cấp tài nguyên; các hành vi vi phạm quy định về Thiết kế mỏ tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 38 Nghị định này; hành vi vi phạm quy định về Giám đốc điều hành mỏ tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 39 Nghị định này; không lắp đặt trạm cân, hệ thống camera giám sát tại các kho chứa, nơi vận chuyển khoáng sản nguyên khai ra khỏi mỏ; các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 40; vi phạm quy định về nộp hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; các hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Nghị định này; các hành vi vi phạm quy định về đóng cửa mỏ khoáng sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Nghị định này; các hành vi vi phạm quy định đối với quyền lợi hợp pháp của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ các loại khoáng sản đã phát hiện; hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; hành vi chưa hoàn trả đầy đủ hoặc không hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; các hành vi vi phạm tại điểm b và c khoản 2, điểm b và c khoản 3 và khoản 4 Điều 53 Nghị

định này; các hành vi vi phạm tại khoản 3 và khoản 4 Điều 54 Nghị định này; thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về khoáng sản đối với các nội dung nêu tại điểm này;

đ) Hành vi nộp chậm hoặc không nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản; nộp chậm báo cáo đột xuất; không gửi hoặc gửi chậm kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản; nộp chậm báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, mẫu vật địa chất cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; thời điểm kết thúc hành vi là thời hạn cuối cùng phải nộp theo quy định;

e) Hành vi chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; chuyển nhượng kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận; thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm thực hiện xong các nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng hoặc văn bản đã ký kết;

g) Các hành vi chưa trình phê duyệt trữ lượng thăm dò hoặc thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản; không nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản vào lưu trữ địa chất; thời điểm kết thúc hành vi vi phạm quy định tại điểm này là thời điểm đã nộp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định;

h) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này mà người có hành vi vi phạm không chứng minh được thời điểm kết thúc hành vi vi phạm thì được xác định là hành vi vi phạm còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

3. Các hành vi vi phạm hành chính về khoáng sản quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện.".

4. Bổ sung điểm c vào khoản 2 và bãi bỏ một số điểm Điều 8 như sau:

a) Bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Lắp đặt thiết bị quan trắc, giám sát không đúng theo quy định.".

b) Bãi bỏ cụm từ "xả nước thải vào nguồn nước" tại điểm a khoản 6; bãi bỏ khoản 7.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

"3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại giấy phép đã bị sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp.".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 11 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"Sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí không được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản, trường hợp hồ chứa thuộc hệ thống công trình thủy lợi thì áp dụng xử phạt theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

"Buộc thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 7, điểm c khoản 8 và khoản 9 Điều này mà gây ra lũ nhân tạo đột ngột, bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ở hạ du hồ chứa.".

7. Bãi bỏ toàn bộ Điều 20. Hành vi xả nước thải vào nguồn nước không có giấy phép theo quy định của pháp luật.

8. Bãi bỏ toàn bộ Điều 21. Vi phạm quy định của giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 11 Điều 22 như sau:

"b) Buộc phá dỡ công trình vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại khoản 8 và khoản 9 Điều này;".

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khoáng sản, xây dựng công trình, vật kiến trúc nổi trên sông, xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu phà tiếp nhận tàu và các công trình thủy khác trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc trong lòng, bờ, bãi sông, hồ không phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật gây cản trở dòng chảy.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa (trừ duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến đường thủy nội địa hiện có) hoặc kè bờ, gia cố bờ sông (trừ công trình kè bờ, chỉnh trị sông để phòng, chống thiên tai); cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông không đúng phương án thực hiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều này thuộc kênh, rạch của hệ thống công trình thủy lợi áp dụng xử phạt theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi.".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 9 như sau:

"b) Buộc phá dỡ công trình, dỡ bỏ, di dời các vật gây cản trở dòng chảy đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

c) Buộc phá dỡ công trình, dỡ bỏ, di dời các vật thể trên phần diện tích lấn sông đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 6 Điều này.".

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 26 như sau:

"a) Buộc phá dỡ công trình vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;".

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 29 như sau:

a) Bãi bỏ điểm d khoản 5; điểm c khoản 6.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm e khoản 6 như sau:

"a) Kê khai không trung thực thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Không nộp hồ sơ điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất trong trường hợp phải điều chỉnh, cấp lại theo quy định.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 như sau:

"b) Buộc phá dỡ, di dời công trình đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 7 Điều này.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 31 như sau:

"2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nộp chậm báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định từ 30 ngày đến dưới 60 ngày kể từ ngày 01 tháng 02 của năm kế tiếp kỳ báo cáo.

2a. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định (tổ chức, cá nhân nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản chậm từ 60 ngày trở lên kể từ ngày 01 tháng 02 của năm kế tiếp kỳ báo cáo được xem là không nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản).".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 36 như sau:

"4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nộp chậm báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định từ 30 ngày đến dưới 60 ngày kể từ ngày 01 tháng 02 của năm kế tiếp kỳ báo cáo.

4a. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (tổ chức, cá nhân nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản chậm từ 60 ngày trở lên kể từ ngày 01 tháng 02 của năm kế tiếp kỳ báo cáo được xem là không nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản).".

15. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu các khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 37 như sau:

"3. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển) có tổng diện tích đã khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) đến dưới 0,1 ha; vượt quá phạm vi ranh giới được phép khai thác (theo độ sâu hoặc độ cao) từ 0,5 m đến dưới 01 m trong phạm vi diện tích từ 0,01 ha trở lên, cụ thể như sau:

4. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển) có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) vượt từ 0,1 ha đến dưới 0,5 ha; vượt quá phạm vi ranh giới được phép khai thác (theo độ sâu hoặc độ cao) từ 01 m đến dưới 02 m trong phạm vi diện tích từ 0,01 ha trở lên cụ thể như sau:

5. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển) có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) vượt từ 0,5 ha đến dưới 01 ha; vượt quá phạm vi ranh giới được phép khai thác (theo độ sâu hoặc độ cao) từ 02 m đến dưới 03 m trong phạm vi diện tích từ 0,01 ha trở lên, cụ thể như sau:

6. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển) có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) vượt từ 01 ha đến dưới 1,5 ha; vượt quá phạm vi ranh giới được phép khai thác (theo độ sâu hoặc độ cao) từ 03 m đến dưới 05 m trong phạm vi diện tích từ 0,01 ha trở lên, cụ thể như sau:

7. Trường hợp hành vi khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển) có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) từ 01 ha trở lên đối với hộ kinh doanh (1,5 ha trở lên với trường hợp còn lại); vượt quá phạm vi ranh giới được phép khai thác (theo độ sâu hoặc độ cao) từ 05 m trở lên trong phạm vi diện tích từ 0,01 ha trở lên được coi là hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bị áp dụng mức phạt tiền như sau:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

b) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của hộ kinh doanh;

c) Từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trừ trường hợp quy định tại điểm a, b và đ khoản này;

d) Từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường trừ khoáng sản quy định tại điểm đ khoản này;

đ) Từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khoáng sản là vàng, bạc, platin, đá quý, khoáng sản độc hại.

8. Phạt tiền đối với hành vi khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) hoặc vượt quá độ sâu cho phép khai thác, cụ thể như sau:".

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và điểm b, điểm d khoản 3 như sau:

"3. Phạt tiền đối với một trong các hành vi: khai thác không đúng phương pháp khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; không đúng hệ thống khai thông, chuẩn bị (đối với khai thác hầm lò), hệ thống mở vỉa (đối với khai thác lộ thiên); không đúng trình tự khai thác; không đúng hệ thống khai thác; vượt quá 10% một trong các thông số của hệ thống khai thác, gồm: chiều cao tầng, góc dốc sườn tầng; đổ thải không đúng vị trí đã xác định trong Thiết kế mỏ/Báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản; không đúng khung thời gian khai thác; không đúng chủng loại hoặc vượt quá số lượng thiết bị khai thác trong giấy phép hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép đối với cát, sỏi lòng sông, suối, hồ cụ thể như sau:

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với khai thác than bùn; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

d) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên kể cả khai thác nước khoáng và nước nóng thiên nhiên, trừ trường hợp đã quy định tại các điểm a, b, c và điểm e khoản này;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

"d) Từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên kể cả khai thác nước khoáng và nước nóng thiên nhiên, trừ trường hợp đã quy định tại các điểm a, b, c và điểm e khoản này;".

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

"2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không lắp đặt trạm cân tại nơi vận chuyển khoáng sản nguyên khai ra khỏi mỏ để theo dõi, lưu trữ thông tin liên quan (trừ khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường của hộ kinh doanh; khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông, cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển sử dụng thiết bị bơm hút, xúc bốc trực tiếp lên tàu, thuyền, ghe và vận chuyển thẳng đến nơi tiêu thụ mà không thể lắp đặt trạm cân); không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện đối với trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông, cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển sử dụng thiết bị bơm hút, xúc bốc trực tiếp lên tàu, thuyền, ghe và vận chuyển thẳng đến nơi tiêu thụ mà không thể lắp đặt trạm cân; cụ thể như sau:".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên kể cả nước khoáng và nước nóng thiên nhiên, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và điểm e khoản này;".

c) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 4 và khoản 5 như sau:

"4. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi lập bản đồ hiện trạng mỏ, mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản nhưng thông tin, số liệu trên bản đồ, mặt cắt thể hiện không đầy đủ theo quy định và sai so với thực tế hiện trạng khai thác khoáng sản (trừ trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển; khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên); lập không đầy đủ sổ sách, chứng từ, văn bản, tài liệu có liên quan để xác định sản lượng khai thác thực tế hàng năm hoặc số liệu thông tin không chính xác; thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế không đúng quy trình và mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

5. Phạt tiền đối với hành vi không lập hoặc không cập nhật bản đồ hiện trạng hoặc mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản trong khoảng thời gian quá 01 năm đối với khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường với công suất được phép khai thác nhỏ hơn 50.000 m3 khoáng sản nguyên khai/năm; quá 06 tháng đối với các loại khoáng sản còn lại theo quy định cụ thể như sau:".

18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 41 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 1.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b và c khoản 2 như sau:

"b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khai thác than bùn; nước khoáng; nước nóng thiên nhiên; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ và trường hợp quy tại điểm a khoản này;

c) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b và c khoản 3 như sau:

"b) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với khai thác than bùn; nước khoáng; nước nóng thiên nhiên; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ và trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b và c khoản 4 như sau:

"b) Từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với khai thác than bùn; nước khoáng; nước nóng thiên nhiên; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ và trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;".

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b và c khoản 5 như sau:

"b) Từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với khai thác than bùn; nước khoáng; nước nóng thiên nhiên; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ và trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;".

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản trong trường hợp vi phạm nhiều lần: từ 02 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; từ 03 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3; từ 04 tháng đến 05 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4; từ 05 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.".

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp cải tạo các công trình bảo vệ môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, hư hỏng hạ tầng kỹ thuật do hành vi khai thác vượt công suất gây ra tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.".

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

" **Điều 42. Vi phạm quy định về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp đã có sự thay đổi tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản từ 01 năm trở lên nhưng không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đã nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành khai thác theo những nội dung đang đề nghị điều chỉnh nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và vi phạm quy định về công suất được phép khai thác được quy định tại Nghị định này.".

20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 44 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 2.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và đánh số thứ tự khoản 3 thành khoản 2 như sau:

"2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.".

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bãi bỏ khoản 4 Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

"1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quá thời hạn theo quy định kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản hợp lệ, đầy đủ theo quy định của pháp luật về khoáng sản cho cơ quan nhà nước theo thẩm quyền cấp phép hoặc sau khi đã được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, quá thời hạn theo quy định kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản hợp lệ, đầy đủ theo quy định của pháp luật về khoáng sản cho cơ quan nhà nước theo thẩm quyền cấp phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quá thời hạn theo quy định kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản hợp lệ, đầy đủ theo quy định của pháp luật về khoáng sản cho cơ quan nhà nước theo thẩm quyền cấp phép.".

b) Bãi bỏ khoản 4.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 4; bổ sung điểm c khoản 5 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy; tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.".

b) Bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

"c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là khoáng sản có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này trong trường hợp đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.".

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

" **Điều 48. Vi phạm về khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm dưới 10 m3;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 10 m3 đến dưới 20 m3;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 20 m3 đến dưới 30 m3;

d) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 30 m3 đến dưới 40 m3;

đ) Từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 40 m3 đến dưới 50 m3;

e) Từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50 m3 trở lên.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy; tịch thu phương tiện sử dụng (kể cả phương tiện khai thác trực tiếp và phương tiện tham gia gián tiếp) để thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện các giải pháp đưa các khu vực đã khai thác về trạng thái an toàn; đền bù, trả kinh phí khắc phục, sửa chữa những hư hỏng của công trình đê điều, công trình hạ tầng kỹ thuật khác, công trình dân dụng do hành vi vi phạm gây ra tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là khoáng sản có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.".

24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Phạt tiền đối với hành vi quá từ 06 tháng trở lên kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực nhưng không nộp hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; quá từ 90 ngày trở lên kể từ thời hạn cuối tại văn bản yêu cầu hoặc ngày ký văn bản yêu cầu (đối với văn bản không nêu thời hạn) của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ, cụ thể như sau:

a) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của hộ kinh doanh;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.".

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

"4a. Phạt tiền đối với hành vi thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ mà chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cụ thể như sau:

a) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Từ 100.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đầy đủ các giải pháp đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn, phục hồi đất đai theo đề án đóng cửa mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4a Điều này.".

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 51 như sau:

"2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chưa hoàn trả đầy đủ hoặc không hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản khi sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức đã đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản trước đó theo quy định).".

26. Bãi bỏ khoản 4 Điều 52.

27. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 54 như sau:

"5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ khoáng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là khoáng sản có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.".

28. Bổ sung Điều 54a sau Điều 54 như sau:

" **54a. Vi phạm quy định về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký, báo cáo khối lượng khoáng sản thu hồi với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án để gửi văn bản cho Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, khoanh định phạm vi khu vực có khoáng sản bị tác động trong trường hợp khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia mà bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tác động trực tiếp đến khoáng sản dự trữ mà không thể bảo vệ nguyên trạng khoáng sản thuộc diện dự trữ và có văn bản chấp thuận việc thu hồi làm cơ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đầu tư quyết định việc thu hồi khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thu hồi khoáng sản vượt quá phạm vi hoặc khối lượng khoáng sản mà Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khoanh định và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án cho phép hoặc lập báo cáo sai về khối lượng khoáng sản thu hồi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình để khai thác khoáng sản nằm trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện các giải pháp đưa các khu vực đã khai thác vượt ra ngoài phạm vi được phép thu hồi hoặc phạm vi dự án về trạng thái an toàn;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định và đo đạc trong trường hợp có hành vi vi phạm tại các khoản 3 và khoản 4 Điều này.".

29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 63 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 1 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

"d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;".

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

"b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;".

30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 64 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 1 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm d, điểm đ khoản 2 như sau:

"b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:

" **Điều 65. Thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành công thương, thanh tra chuyên ngành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều**

Thanh tra chuyên ngành công thương, thanh tra chuyên ngành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 36, 38, 39, 48 và các hành vi vi phạm quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành công thương, thanh tra chuyên ngành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Chánh Thanh tra Sở Công Thương; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Giám đốc Sở Công Thương, Chánh Thanh tra Sở Công Thương ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra; Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Thủy lợi; Chi cục trưởng Chi cục chuyên ngành về thủy lợi, đê điều; Trưởng đoàn thanh tra của Chi cục chuyên ngành về thủy lợi, đê điều có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chánh Thanh tra Bộ Công Thương; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy lợi ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Công Thương, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định này.".

32. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và một số điểm, khoản Điều 66 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu Điều 66 như sau:

"Lực lượng Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 24, 25, 26, 27, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 43, 44, 45, 47, 48, 52 và 54 Nghị định này, cụ thể như sau:".

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

"2. Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:".

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 và sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 3 như sau:

"3. Trưởng Công an cấp xã, Thủy đội trưởng, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4, điểm d và đ khoản 4 như sau:

"4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Trưởng phòng An ninh kinh tế, Thủy đoàn trưởng có quyền:

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b, d và đ khoản 5 như sau:

"b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b và đ khoản 6 như sau:

"b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 67 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu Điều 67 như sau:

"Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 24, 26, 27, 32, 34, 35, 37, 45, 47, 48, và 54 Nghị định này tại khu vực biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ đội biên phòng, cụ thể như sau:".

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Đội trưởng Đội Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c và d khoản 3 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

d) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

"3a. Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

đ) Sửa đổi đoạn mở đầu, điểm d khoản 4 và bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

"4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.".

34. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 68 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu Điều 68 như sau:

"Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 12, 23, 24, 27, 29, 31, 34, 35, 36, 38, 39, 40, 45, 47, 48, 49 và 54 Nghị định này tại khu vực thuộc trách nhiệm quản lý của Cảnh sát biển, cụ thể như sau:".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này;".

c) Sửa đổi, bổ sung c và d khoản 4 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 5, điểm c và d khoản 5 như sau:

"5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 6, điểm c, điểm d; bổ sung điểm đ khoản 6 như sau:

"6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.".

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm d và điểm đ khoản 7 như sau:

"b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, p, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định này.".

35. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 69 như sau:

"1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được lập theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.".

36. Bãi bỏ khoản 2; bỏ cụm từ "xả nước thải vào nguồn nước" tại khoản 4 và khoản 5 Điều 70 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ)

1. Bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP như sau:

" **Điều 2a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đã kết thúc, các hành vi vi phạm đang thực hiện**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm, các hành vi vi phạm đang được thực hiện trong lĩnh vực khí tượng thủy văn được quy định như sau:

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là 01 năm.

2. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:

Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là thời điểm tổ chức, cá nhân kết thúc thời hạn báo cáo, thông báo, kê khai, nộp hồ sơ hoặc công khai, lấy ý kiến theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ) đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hành vi không tổ chức hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ khi được cấp giấy phép mà không thông báo lý do cho cơ quan cấp giấy phép tại khoản 4 Điều 5 về vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

b) Hành vi vi phạm quy định về gian lận trong việc kê khai nội dung đề nghị cấp giấy phép tại điểm a khoản 5 Điều 5 về vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

c) Hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn tại khoản 2 Điều 5a Nghị định này về vi phạm quy định về hoạt động

dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

d) Hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 1 Điều 7a về vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

đ) Hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi di chuyển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 2 Điều 7a về vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

e) Hành vi không thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tại khoản 3 Điều 7a về vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

g) Hành vi không báo cáo về hoạt động trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 9b về vi phạm quy định về trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

h) Hành vi không thông báo công khai cho cộng đồng dân cư trong khu vực biết trước khi tiến hành tác động vào thời tiết tại khoản 3 Điều 9c về vi phạm các quy định về tác động vào thời tiết.

3. Đối với các hành vi vi phạm khác quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ) do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn, thời điểm kết thúc hành vi vi phạm là thời điểm mà tổ chức, cá nhân kết thúc nghĩa vụ phải thực hiện quy định hoặc thời điểm tổ chức, cá nhân bắt đầu thực hiện đúng quy định.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này nhưng đã được thực hiện xong trước thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm thì cũng được xác định là hành vi vi phạm đã kết thúc.

5. Trường hợp hành vi vi phạm bị phát hiện khi chưa kết thúc nghĩa vụ phải thực hiện quy định hoặc tổ chức, cá nhân chưa thực hiện đúng quy định thì được coi là hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép, phá dỡ phần sai phạm của công trình, nhà cao tầng trong phạm vi hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Buộc thu hồi sản phẩm có được do thực hiện hành vi vi phạm; buộc nộp lại giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp.".

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

"4. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung:

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền cấp phép, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi Thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp phép (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp).".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 5 như sau:

"b) Buộc nộp lại và buộc xin cấp lại giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 10 Điều 8 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

"b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều này;".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 17 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d và bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm m, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.".

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 18 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

a) Bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c, bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

"c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19a Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

" Điều 19a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của lực lượng Công an nhân dân

Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 10, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo.

2. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

3. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

5. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 19b Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

" **Điều 19b. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng, thủy văn của Bộ đội biên phòng**

Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 10, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này tại khu vực biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ đội biên phòng, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm h và điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

5. Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm d, điểm h và điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19c Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

" **Điều 19c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của Cảnh sát biển**

Cảnh sát biển có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 10, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảnh sát biển, cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).".

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19d Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

" **Điều 19d. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa**

Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa, cụ thể như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm h, điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP).

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.".

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19đ Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP) như sau:

" **Điều 19đ. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn của thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng**

Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, khoa học và công nghệ, xây dựng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Bộ trưởng và Chánh Thanh tra các Bộ: Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 84/2017/NĐ-CP);

đ) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

1. Sửa đổi điểm a, bổ sung điểm h, điểm i vào sau điểm g khoản 2 Điều 2 như sau:

"a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

h) Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

i) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức quy định tại điểm a, điểm b khoản này.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm khoản Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Hình thức xử phạt bổ sung

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung như sau:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

b) Trục xuất.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 3 như sau:

"b) Buộc phá dỡ công trình hoặc phần công trình xây dựng;

i) Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề.".

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

"4. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền cấp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi Thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề và giấy phép, chứng chỉ hành nghề đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp (trừ trường hợp giấy phép do cơ quan nước ngoài cấp).".

3. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

" **Điều 4a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đã kết thúc, các hành vi vi phạm đang thực hiện**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm, các hành vi vi phạm đang được thực hiện trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ là 01 năm.

2. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:

Thời điểm được xác định là đã kết thúc hành vi vi phạm là thời điểm mà tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm và thời điểm đó được thể hiện rõ trong các Hồ sơ, Tài liệu, Báo

cáo được xác lập theo quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hành vi nộp chậm hoặc không nộp báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, báo cáo khi có sự thay đổi người phụ trách kỹ thuật hoặc khi có sự thay đổi địa chỉ trụ sở chính;

b) Hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ;

c) Hành vi giả mạo, làm sai lệch dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trong thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ;

d) Hành vi giả mạo, làm sai lệch dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

đ) Thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cấp chủ đầu tư khi nhà thầu, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

e) Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ không đầy đủ nội dung, mức kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

g) Hành vi không giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ để lưu trữ theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

h) Hành vi không thực hiện kiểm định phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo được sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ phải được kiểm định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

i) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này mà người có hành vi vi phạm không chứng minh được thời điểm kết thúc hành vi vi phạm thì được xác định là hành vi vi phạm còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

3. Các hành vi vi phạm hành chính về đo đạc và bản đồ quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Hành nghề đo đạc và bản đồ không có chứng chỉ hành nghề hoặc hành nghề đo đạc và bản đồ trong thời gian bị buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động đo đạc và bản đồ không có giấy phép hoặc hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian bị buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề do thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này;

Trường hợp đối với hành vi hoạt động đo đạc và bản đồ khi không duy trì các điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trong thời gian 90 ngày (3 tháng) tổ chức bổ sung chứng minh có đủ điều kiện để duy trì hoạt động đo đạc và bản đồ thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trả lại cho tổ chức giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

b) Buộc hủy bỏ dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này mà không đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ."

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 5 Điều 6 như sau:

"b) Buộc phá dỡ công trình hoặc phần công trình xây dựng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc phá dỡ trạm định vị vệ tinh đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.".

6. Bãi bỏ khoản 4 Điều 7 và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 7 như sau:

"c) Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề do thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.".

7. Bãi bỏ khoản 3 Điều 8 và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

"4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.".

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 và bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 5 Điều 11 như sau:

"c) Buộc tiêu hủy sản phẩm đo đạc và bản đồ, xuất bản phẩm bản đồ đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

đ) Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 13 như sau:

"3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó do thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.".

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm d khoản này;

d) Phạt tiền đến 500.000 đồng.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu Điều 16 như sau:

"Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả của Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an; Trưởng trạm công an cửa khẩu, khu chế xuất; Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Trục xuất;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Trục xuất;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 như sau:

"b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

"1a. Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2, điểm c khoản 2 như sau:

"2. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h khoản 3 Điều 3 Nghị định này."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 như sau:

"b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 và điểm b, điểm c khoản 3 như sau:

"3. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4, điểm b, điểm c khoản 4 như sau:

"4. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 5, điểm c khoản 5 như sau:

"5. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 1 như sau:

"1. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 như sau:

"b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

16. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và một số điểm, khoản Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu Điều 20 như sau:

"Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 10; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định này, trên địa bàn quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.".

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và điểm b, điểm c khoản 1 như sau:

"1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:".

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, đ, g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 và điểm b, điểm c khoản 2 như sau:

"2. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, đ, g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, đ, g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này."

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm a khoản này.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm d khoản này;

d) Phạt tiền đến 500.000 đồng.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c, d, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chánh Thanh tra các Bộ: Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c, d, h và i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

"2. Trưởng đoàn kiểm tra về đo đạc và bản đồ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Hải quan, kiểm soát viên thị trường trong các cơ quan quy định từ Điều 14 đến Điều 22 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ".

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ quy định tại Nghị định này xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định Nghị định này để xử lý.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG
Đã ký
Lê Văn Thành

- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)